

## LỊCH SỬ HẢI QUÂN TRUNG QUỐC THẾ KỶ 21

*Bernard D. Cole*

Trong lịch sử, Trung Quốc được coi là cường quốc đại lục hơn là cường quốc biển, mặc dù quốc gia này có đường bờ biển kéo dài hơn 11.000 dặm với hơn 6000 đảo. Trung Quốc luôn coi biển là một hướng xâm lược mà nước ngoài có thể sử dụng, hơn là một phương tiện để đạt được mục tiêu quốc gia. Đây được cho là xu hướng góp phần vào sự yếu kém của hải quân Trung Quốc từ trước đến nay. Tuy nhiên, từ đầu thế kỷ 21, tư duy của họ đã thay đổi. Sự bùng nổ kinh tế trong hai thập niên cuối của thế kỷ 20, sự mở rộng toàn cầu về mặt chính trị, lợi ích kinh tế, và sự quyết tâm trong việc xử lý các tranh chấp biên giới trên bộ với các nước khác đã khiến Trung Quốc chú ý hơn đến sự đe dọa đến các tuyến đường hàng hải chủ chốt mà Trung Quốc đang ngày càng phụ thuộc vào.

Các nhiệm vụ lịch sử của Hải quân Trung Quốc – (PLAN) – được mô tả vào năm 1982 là “chống xâm lược, bảo vệ đất nước”, khẳng định vai trò như lực lượng bảo vệ bờ biển để hỗ trợ cho lực lượng lục quân đối mặt với nguy cơ xâm lược tiềm ẩn từ Liên Xô. Tuy nhiên, Đặng Tiểu Bình, vào năm 1985 đã đề ra chiến lược “phòng vệ ngoài khơi”, trong khi đó vào năm 1993, Hải quân Trung Quốc đã được chỉ đạo “bảo vệ chủ quyền trên đất, trên không và trên biển của Trung Quốc” và để “duy trì sự thống nhất và an ninh quốc gia”. Chiến lược và định hướng mới đã đánh dấu bước chuyển của Hải quân Trung Quốc đối với thế giới hậu Chiến tranh Lạnh.

Bốn nhiệm vụ lịch sử được đề ra bởi Chủ tịch Hồ Cẩm Đào năm 2004 bao gồm các trách nhiệm truyền thống nhằm đảm bảo sự trung thành của quân đội đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc (CCP); bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, và an ninh nội bộ, ngăn chặn sự ly khai của Đài Loan; và những trọng trách mới như bảo vệ các lợi ích quốc gia ngày càng mở rộng trong đó có cả an ninh biển và “những vấn đề an ninh phi truyền thống” và hỗ trợ bảo vệ hòa bình thế giới. Hải quân Trung Quốc được xem là “một lực lượng chiến lược” từ năm 2008.<sup>1</sup>

---

1. Dựa trên “CMC’s Guo Boxiong Urges Improving PLA Capabilities to ‘Fulfill Historic Missions,’” Xinhua, 27/9/ 2005, in Open Source Center CPP20050927320021, and Daniel M. Hartnett, *The PLA’s Domestic and Foreign Activities and Orientation, Testimony before the U.S.-China Economic and Security Review Commission*, “China’s Military and Security Activities Abroad” hearings, 111th Cong., 1st sess., 4/3/2009, tham khảo tại [www.uscc.gov/](http://www.uscc.gov/). Ủy ban Quân sự Trung Ương (CMC) là ủy ban hoạch định chính sách quân sự tối cao, đưa ra chỉ thị liên quan đến Quân đội Giải phóng Nhân dân (PLA), bao gồm các cuộc gặp cấp cao, triển khai quân, chỉ tiêu vũ khí. Tham khảo *The Central People’s Government of the People’s Republic of China*, [english.gov.cn/](http://english.gov.cn/), để biết các thành viên hiện tại của CMC.

Chỉ huy Hải quân, Đô đốc Wu Shengli, nêu rõ nhiệm vụ và ý định của lực lượng trong lễ kỷ niệm lần thứ 60 vào năm 2009. Ông kêu gọi đẩy mạnh hậu cần và trang thiết bị hỗ trợ “để nâng cao năng lực sửa chữa xa khơi, vận chuyển, giải cứu và tiếp tế” đồng thời thiết lập “một hệ thống phòng thủ trên biển ... để bảo đảm an ninh biển và phát triển kinh tế của Trung Quốc”. Những bình luận này đã củng cố lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ năm 2007 cho việc thành lập một “lực lượng vũ trang hùng mạnh trên biển” như một “giấc mơ vẫn hằng ấp ủ của Trung Quốc”.<sup>2</sup>

## TRUNG QUỐC PHONG KIẾN

Mặc dù lịch sử Trung Quốc phụ thuộc chủ yếu vào lực lượng lục quân để bảo vệ các lợi ích an ninh quốc gia, nhưng vẫn có thể nhìn thấy được hạt giống của hải quân qua nhiều triều đại. Trận hải chiến sớm nhất của Trung Quốc được ghi lại xảy ra vào năm 549 TCN, dưới thời kỳ Xuân Thu, khi các vua chúa cho tàu tấn công lẫn nhau.<sup>3</sup> Việc tiến hành các hoạt động hải quân quy mô lớn tiếp tục có vai trò lớn trong các cuộc chiến tranh trong suốt triều đại nhà Hán (206 TCN đến 220 SCN). Dân đi biển Trung Quốc là những người đầu tiên điều khiển tàu với buồm và bánh lái, chia ngăn khoang tàu, đáy tàu được sơn để chống mục gỗ, và dựng ụ tàu. Họ phát triển nghệ thuật hàng hải đến một đỉnh cao, bao gồm sử dụng la bàn cầm tay từ năm 1044.<sup>4</sup> Trung Quốc thiết lập con đường thương mại trên biển đến Đông Nam Á và Tây Phi vào cuối thời Đường (năm 907 SCN).<sup>5</sup>

### *Triều đại nhà Tống*

Trong số các triều đại ở Trung Quốc, đỉnh cao phát triển của ngành hải quân có lẽ diễn ra vào đời nhà Tống (960-1279 SCN), thời kỳ 500 năm Trung Quốc triển khai “lực lượng hải quân hùng mạnh và kỹ thuật tinh vi nhất thế giới”.<sup>6</sup> Trong suốt khoảng thời gian này, quân đội đã kịp thời bố trí các hạm đội khẩn cấp bao gồm vài trăm tàu chiến và

---

<sup>2</sup> Trích Cui Xiaohuo and Peng Kuang, “Navy Chief Lists Key Objective,” *Trung Hoa Nhật báo*, 16/4/2009, [www.chinadaily.com.cn/](http://www.chinadaily.com.cn/).

<sup>3</sup> Deng Gang, *Chinese Maritime Activities and Socioeconomic Development, c. 2100 bc–900 ad* (Westport, Conn.: Greenwood, 1997) là một tác phẩm lịch sử rất hay về chủ đề này.

<sup>4</sup> Joseph Needham, (Quyển 6) *Sci-ence and Civilisation in China* (Cambridge, U.K.: Cambridge Univ. Press, 1954–86) bàn về vấn đề này và những phát triển liên quan.

<sup>5</sup> Tham khảo “China’s Sea Route to West Asia Begins in Xuwen,” *Tân Hoa*, 21/6/2000, trong Hệ thống Thông tin truyền thông truyền hình nước ngoài [sau này là FBIS] CPP20000621000077, một lý thuyết khảo cổ cho rằng chuyến tàu buôn có thể bắt nguồn từ tỉnh Quảng Đông vào đầu năm 200 TCN, hai trăm năm trước khi con đường tơ lụa được khai phá; Deng, *Chinese Mari-time Activities and Socioeconomic Development*, tr. 41.

<sup>6</sup> Paul C. Forage, “The Foundations of Chinese Naval Supremacy in the Twelfth Century,” trong cuốn *New Interpretations in Naval History: Selected Papers from the Tenth Naval History Symposium Held at the United States Naval Academy, 11–13/9/ 1991*, ed. Jack Sweetman (Annapolis, Md.: Naval Institute Press, 1992), tr. 3

tàu hỗ trợ. Một đội quân nhà Tống vào năm 1274 SCN có tổng cộng 13.500 tàu.<sup>7</sup> Kỹ thuật hàng hải Trung Quốc cũng dần trưởng thành trong thời gian này; vận chuyển trở thành một phần quan trọng đối với nền kinh tế của đất nước.

Có thể nhà Tống là triều đại đầu tiên của Trung Quốc xây dựng một lực lượng hải quân quốc gia thường trực có chức năng như một cơ quan độc lập điều hành bởi chính quyền trung ương. Ban cố vấn triều đình về Kiểm soát và Tổ chức các vùng ven biển được thành lập vào năm 1132 để giám sát lực lượng hải quân gồm 52.000 lính.<sup>8</sup>

Kinh nghiệm của nhà Tống dựa trên nền kinh tế mở rộng nhanh chóng, với một bộ phận đi biển mạnh mẽ bao gồm thương mại, đánh bắt và vận chuyển. Hải quân được mở rộng đồng nghĩa với việc cơ sở cầu cảng, các trung tâm tiếp liên và các xưởng đóng tàu cũng được mở rộng; binh sĩ được huấn luyện đặc biệt là lính thủy đánh bộ, và đội tuần tra bờ biển được thành lập. Nhà Tống sử dụng cả thuyền buồm lẫn thuyền chèo có guồng quay và sau này được hoạt động dựa vào nhân công trên các băng chày. Các học thuyết được hình thành, và bao gồm sự phát triển hình thành các cuộc diễn tập dàn quân, phóng đạn tầm xa và các chiến thuật phức tạp khác.<sup>9</sup>

Trung Quốc vẫn là một cường quốc biển trong suốt hai triều đại kế tiếp. Thực tế, việc nhà Nguyên lật đổ nhà Tống là nguyên nhân chủ yếu khiến triều Nguyên tiến hành các cuộc hải chiến. Nhà Nguyên sau đó đã sử dụng các hải quân để thực hiện việc xâm lược đối với Việt Nam, Indonesia, và Nhật Bản. Đội quân viễn chinh năm 1274 chống lại Nhật Bản bị bại trận, gây thiệt hại 900 tàu và 250.000 binh sĩ và vào năm 1281 là 4.400 tàu.<sup>10</sup> Thương mại trên biển tiếp tục mở rộng, và trên tàu bắt đầu có sự xuất hiện của đại bác.<sup>11</sup>

### ***Triều đại nhà Minh***

Trong suốt triều đại nhà Minh (1368-1644) Trung Quốc đã chứng kiến cả đỉnh cao phát triển lẫn sự sụp đổ của sức mạnh hải quân. Điểm then chốt của sự thành công của

---

<sup>7</sup> Như trên, tr.70

<sup>8</sup> Lo Jung-pang, "The Emergence of China as Sea Power during the Late Song and Early Yuan Periods," *Far Eastern Quarterly* 14, số 4 (tháng 8/1955), tr. 491

<sup>9</sup> Tham khảo Forage, "Foundations of Chinese Naval Supremacy in the Twelfth Century," tr. 6-7, 19-21, một sự mô tả thú vị về trận chiến giữa hai lực lượng hải quân Tống và Nguyên.

<sup>10</sup> John K. Fairbank, "Maritime and Continental in China's History," trong cuốn *The Cambridge History of China*, quyển 12, *Republican China: 1912-1949*, pt. I, ed. John K. Fairbank and Dennis Twitchett (Cambridge, U.K.: Cambridge Univ. Press, 1983), tr. 1:15

<sup>11</sup> Forage, "Foundations of Chinese Naval Supremacy in the Twelfth Century," tr. 500-501, mô tả một cách ngắn gọn nhưng thú vị về những vũ khí ban đầu này.

nhà Minh trước quân Nguyên là hàng loạt các trận chiến trên các hồ thuộc thung lũng sông Dương Tử. Lực lượng thủy quân được triển khai bởi nhà Minh và đối thủ của họ đều không phải là lực lượng hải quân độc lập mà là các đơn vị quân đội được chỉ định hoạt động trên các con tàu ở các sông, hồ ở địa phương. Nhiệm vụ ban đầu của họ là vận chuyển người và tiếp tế, nhưng khi quân đội nhanh chóng nhận ra lợi ích của việc sử dụng những tàu thuyền này như tàu chiến, chống lại lực lượng lục quân và lực lượng thủy quân của nhau. Tàu nhà Minh được điều khiển bởi khoảng 12.000 phân đội và được trang bị cung thủ, pháo và hỏa tiễn. “Chiến dịch trên hồ” đã sử dụng hiệu quả tàu thuyền và người để tận dụng địa chiến nhưng không dẫn đến việc thành lập một lực lượng hải quân thường trực trong triều đại nhà Minh.

Những chuyến đi vào đầu thế kỷ 15 của Trịnh Hòa đến Trung Đông và Châu Phi cũng diễn ra dưới thời nhà Minh. Họ thể hiện kỹ thuật đóng tàu theo tiêu chuẩn Trung Quốc, quản lý hải trình, và nghề đi biển vượt xa khả năng của các nước Châu Âu. Trịnh Hòa dẫn những hạm đội tàu lớn, một vài tàu lên đến hơn 400 tấn, trong 7 chuyến đi nửa vòng trái đất vào thời điểm mà các nhà thám hiểm Bồ Đào Nha vẫn đang tìm đường xuống bờ tây Châu Phi trên những chuyến thuyền buồm 50 tấn.

Chỉ sau đây 30 năm, vua quan nhà Minh đã cố ý chấm dứt những chuyến đi này vì lý do tài chính trong nước, chính trị và ý thức hệ, cũng ngay tại thời điểm các quốc gia Châu Âu bắt đầu tận dụng biển cho phát triển kinh tế và cải đạo. Tại sao các cuộc viễn chinh của Trung Quốc lại chấm dứt? Đầu tiên, các chuyến đi tiêu tốn rất nhiều tiền, và nhà Minh thì đang thực hiện một chính sách kinh tế cứng nhắc. Thứ hai, tầng lớp cai trị đang rất quan ngại đến sự gia tăng quyền lực của các hoạn quan – nhà tài trợ chính cho các chuyến đi này. Thứ ba, “các quan trong triều theo Khổng Tử phản đối thương mại và giao thương với nước ngoài”.<sup>12</sup>

Tuy nhiên, nguyên nhân lớn nhất vẫn là sự đe dọa xâm lược từ Mông Cổ và các nước Châu Á khác đang ngày càng mạnh lên, khiến triều đình phải chú tâm vào đại lục

---

<sup>12</sup> Trích Jin Wu, trong Richard Gunde, “The Voyages of Zheng He” (Los Angeles: UCLA Center for Chinese Studies, 20 April 2004), available at [www.international.ucla.edu/](http://www.international.ucla.edu/). Quyết định của nhà Minh cũng phản ánh xu hướng bài ngoại của Trung Quốc, có lẽ được thể hiện rõ nhất trong phản ứng của nhà Thanh đối với nỗ lực thiết lập quan hệ với Trung Quốc từ Anh năm 1773. Nhà vua nói với Đức ông Macartney rằng “Chúng tôi có tất cả mọi thứ. Chúng tôi không thấy giá trị gì ở những đối tượng lạ hay mưu trí, và không sử dụng các nhà sản xuất của nước ông”. Những thành công của Zheng He trong Edward L. Dreyer, *Zheng He: China and the Oceans in the Early Ming Dynasty, 1405–1433* (New York: Longman, 2006). Tham khảo George Raudzens, “Military Revolution or Maritime Evolution: Military Superiorities or Transportation Advantages as Main Causes of European Colonial Conquests to 1788,” *Journal of Military History* 63, no. 3 (July 1999), tr. 56, để thấy một giải thích rất thú vị nhưng tập trung chủ yếu vào Châu Âu trong vai trò của tính lưu động hàng hải đối với chủ nghĩa đế quốc Châu Âu.

và đòi hỏi chi tiêu nhiều ngân sách quốc gia. Vào năm 1500, “chống thông thương và bài ngoại nô ra”, triều đình ngay sau đó cố gắng để đối phó với các vấn đề trên biển bằng cách tăng lơ chúng. Hải quân bị bỏ mặc cho suy yếu, vào cuối thế kỷ 16, triều đình nhà Minh đã không thể bảo vệ các thương nhân trên biển chống lại hải tặc.

Trong suốt một thời gian dài phát triển và thống trị khoa học hàng hải thế nhưng an ninh quốc gia Trung Quốc lại tập trung vào phía Bắc và phía Tây – với lý do chính đáng, đó là sự đe dọa tới triều đại bắt nguồn từ đây. Không có triều đại nào lại sụp đổ do nguyên nhân trực tiếp là xâm lược hay lấn lướt trên biển: những kẻ tiếm quyền xuất hiện từ bên trong Châu Á và các cuộc chiến then chốt đều xảy ra trên đất liền. Hải quân đã nhiều lúc rất có năng lực và thậm chí rất hùng mạnh, nhưng lại không bao giờ được coi là quan trọng đối với sự sống còn của triều đại, thậm chí ngay cả khi phải hàng thế kỷ đối mặt với “cướp biển” Nhật Bản – như cách mà Trung Quốc vẫn thường gọi người láng giềng của mình như vậy.

### ***Triều đại nhà Thanh***

Tuân theo quy luật phát triển các triều đại, nhà Thanh thế ngôi nhà Minh vào năm 1644 sau một thời gian dài chiến đấu trên bộ mà hải quân chỉ đóng một vai trò rất nhỏ. Nhà Thanh không đưa ra một nỗ lực nào để tái xây dựng hải quân hay mở rộng lĩnh vực biển trong nền kinh tế Trung Quốc. Nhà Thanh không phải đối mặt với một mối đe dọa lớn nào từ biển trong suốt một thế kỷ rưỡi cầm quyền, và hầu như cũng không có lý do gì phải đầu tư vào hiện đại hóa hải quân. Điều này đặc biệt đúng sau chiến công trên biển nổi bật nhất: nhà Thanh chiếm được Đài Loan năm 1683, sau nhiều lần thất bại.

Giao thương trên biển vẫn phát triển mặc cho sự hững hờ của triều đình nhà Thanh, một phần do sự định cư của “Hoa kiều” khắp Đông Nam và Nam Á rất sớm từ các triều đại trước. Hải quân nhà Thanh vẫn đủ mạnh để ngăn chặn cướp bóc ven bờ, để duy trì trật tự trên các kênh và sông, và để thực hiện chức năng bảo vệ bờ biển. Tuy nhiên, Trung Quốc đã bị thụt lùi lại so với các tiêu chuẩn hải quân thế giới, khiến họ không thể đánh bại được những cuộc xâm lăng của đế quốc cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19.

### ***Thất bại trong hiện đại hóa***

Khi nhà Thanh bị xoay vần bởi sự tấn công dữ dội của các đế quốc và từ tác động của cuộc nổi loạn Thái Bình Thiên Quốc – kết thúc năm 1864, những phong trào “phục hồi” nổ ra ở Trung Quốc. Những nỗ lực “tự cường”, với khẩu hiệu “Hán học làm nền tảng, Tây học để thực hành” gồm cả việc xây dựng và huấn luyện hải quân hiện đại. Khía cạnh này của việc hiện đại hóa có thể bắt nguồn từ sự ngưỡng mộ đối với công nghệ của

tàu chiến hiện đại và từ thực tiễn rằng Trung Quốc bị hạ gục một cách nhục nhã bởi hải quân của các nước đế quốc.

Kho vũ khí được thiết lập ở Thượng Hải để đóng pháo hạm chạy bằng hơi nước, nhưng những nỗ lực hiện đại hóa hải quân Trung Quốc thường xuyên trở thành nạn nhân của những người theo chủ nghĩa Khổng Tử - những người có tư tưởng cứng nhắc; đây cũng là một trong những trường hợp mà ý thức hệ thủ tiêu sự chuyên nghiệp – một vấn đề đã tồn tại từ rất lâu. Dù sao, vào năm 1884, Trung Quốc cũng cho triển khai hải quân hiện đại, được dẫn dắt bởi nỗ lực của Lý Hồng Chương, một trong những quan chức học giả nổi bật hiểu được Trung Quốc đã tụt hậu bao xa so với các cường quốc bên ngoài. Ông Lý đã sử dụng 3 cách tiếp cận để xây dựng một lực lượng hải quân mới – 1 lực lượng mà theo ông nghĩ hải quân nên được hướng tới bảo vệ bờ biển: sản xuất trong nước, mua từ nước ngoài, và kỹ nghệ đảo ngược áp dụng với các hệ thống nước ngoài (reverse engineering - là quá trình tìm ra các nguyên lý kỹ thuật của một phần mềm ứng dụng hay thiết bị cơ khí qua việc phân tích cấu trúc, chức năng và hoạt động của nó. Trong quá trình này, người ta thường phải tháo dỡ đối tượng thành từng phần và phân tích chi tiết hoạt động của nó, thường là với mục đích xây dựng một thiết bị hoặc phần mềm mới hoạt động giống hệt nhưng không sao chép bất cứ thứ gì từ đối tượng nguyên bản - ND).

Không may, lực lượng hải quân mới phải trải qua sự mục rữa của chính quyền cấp cao và sự điều hành yếu kém.<sup>13</sup> Nó được chia làm 4 hạm đội mà về cơ bản là độc lập. Hạm đội Bắc Dương, điều hành bởi Lý Hồng Chương là đội hiện đại và mạnh nhất; vào năm 1884, đội này có hai tàu chiến 7500 tấn do Đức đóng. Hạm đội Phúc Kiến đóng ở Phúc Kiến; hai hạm đội khác là Nam Dương và Quảng Đông.

Lực lượng hải quân mới này được đánh giá cao bởi các nhà quan sát phương Tây nhưng sớm bị lôi kéo vào một trận chiến với hai hạm đội nước ngoài, một trong số đó là của phương Tây. Xung đột với Pháp trong vấn đề thuộc địa Việt Nam của nước này đã dẫn đến bùng nổ chiến sự vào tháng 8/1884. Lực lượng lục quân chiến đấu rất tốt, những quân Pháp ở địa phương đã tấn công Hạm đội Phúc Kiến của Trung Quốc tại cảng Phúc Kiến và làm chìm tất cả các tàu.<sup>14</sup> Những hạm đội khác của Trung Quốc không được cử ra chiến đấu; Lý Hồng Chương muốn bảo tồn và gây dựng sức mạnh hải quân còn lại. Nỗ

---

<sup>13</sup> John K. Fairbank, *China: A New History* (Cambridge, Mass.: Belknap Press of Harvard Univ., 1992), tr. 220, liên quan đến vụ tham nhũng nổi tiếng nhất – chuyên dòng 50 triệu đô la trong quỹ xây dựng hải quân để xây dựng Cung điện Mùa hạ cho Hoàng Hậu ở Bắc Kinh, với một thuyền lớn bằng cẩm thạch.

<sup>14</sup> Mary Clabaugh Wright, *The Last Stand of Chinese Conservatism: The T'ung-chih Restoration, 1862–1874* (Stanford, Calif.: Stanford Univ. Press, 1957), tr. 59–66, mô tả một cách chi tiết nhất về chiến tranh Pháp – Trung. Hạm đội Pháp có 8 tàu chiến và hai tàu phóng ngư lôi. Hạm đội Trung Quốc có 11 tàu chiến và một số tàu khác, nhưng đều là tàu gỗ. Pháp cũng phá hủy các căn cứ trên bờ của Trung Quốc.

lực của ông rất thành công trên giấy tờ, bao gồm sự thiết lập Cơ quan Hải quân quốc gia, một thể chế huấn luyện và một đơn vị bờ biển được tổ chức tốt hơn, và vào năm 1888 đã chuẩn hóa các quy định hải quân.<sup>15</sup>

Mặc dù có những thành công này, hải quân Trung Quốc vẫn không thể trở thành một lực lượng quốc gia chặt chẽ. Hạm đội mạnh nhất đã thất bại trong việc ngăn chặn sự xâm chiếm của Nhật Bản đối với bán đảo Triều Tiên vào những năm 1890. Hạm đội Bắc Dương – gồm 2 tàu chiến, 10 tuần dương hạm, và 2 tàu phóng ngư lôi – đã thua trận trước Nhật Bản vào tháng 9/1894 và đã rút về Uy Hải, một cảng cố thủ vững chắc ở phía bắc Sơn Đông. Tháng 1/1895, quân đồn trú của Nhật Bản đã đổ bộ một khẩu đội pháo của Trung Quốc đang canh gác tại cảng và hướng súng về phía tàu Trung Quốc.<sup>16</sup> Hạm đội Bắc Dương đã bị tan rã bởi những tổn thất ở các tàu, cộng với những vụ tự sát của chỉ huy hạm đội và những quan chức cấp cao khác.<sup>17</sup> Một lần nữa, các hạm đội khác của Trung Quốc đã không tham chiến được.

Xung đột hải quân với Pháp và Nhật Bản đã cho thấy rằng trong khi Bắc Kinh đã có được các tàu và vũ khí của một lực lượng hải quân hiện đại, nước này đã thất bại trong việc tiến hành quản lý chung, huấn luyện, hỗ trợ hậu cần và bảo dưỡng, hay chỉ huy và kiểm soát một cách hiệu quả. Hơn nữa, học thuyết vận hành hầu như hoàn toàn thiếu sót, các chỉ huy hải quân không tạo ra được sự phối hợp giữa các hạm đội, trong tập trận, hoặc hỗ trợ lẫn nhau. Cuối cùng, Trung Quốc đã không cung cấp được cho hải quân mới của họ một chiến lược rõ ràng gắn liền với các mục tiêu an ninh quốc gia. Sự cố gắng của Trung Quốc để triển khai một lực lượng hải quân hiện đại vào cuối thế kỷ 19 đã thất bại một cách cay đắng do những yếu tố trên.

## TRUNG HOA DÂN QUỐC

---

<sup>15</sup> Bruce A. Swanson, *The Eighth Voyage of the Dragon: A History of China's Quest for Seapower* (Annapolis, Md.: Naval Institute Press, 1982), tr. 96ff., thảo luận về những phát triển này.

<sup>16</sup> Sự thành công của Nhật Bản đơn giản bởi một thực tế rằng súng trên những pháo đài được thiết kế chỉ để chống lại các mối đe dọa từ phía biển. Nước Anh cũng mắc một sai lầm phòng ngự giống như vậy tại Singapore vào năm 1941, và các lực lượng Nhật Bản đã tận dụng sai lầm này.

<sup>17</sup> Swanson, *Eighth Voyage of the Dragon*, tr. 223. Trung Quốc là quốc gia duy nhất trong một vài quốc gia xây dựng hải quân vào thời điểm đó: Anh, Mỹ, Pháp, Ý, Nga, Nhật Bản, Mỹ và thậm chí Áo-Hung đều thực hiện hiện đại hóa các hạm đội của mình. Những nước bị thiếu hụt như Trung Quốc, Đức, Áo-Hung đều thất bại trong việc phát triển một khung chiến lược ý nghĩa và khung hoạt động hiệu quả đối với lực lượng hải quân mới của mình. William Ferdinand Tyler, *Pulling Strings in China* (London: Constable, 1929), kể về những câu chuyện đầy màu sắc về một lực lượng hải quân khác thành công hơn được Trung Quốc triển khai trong suốt thế kỷ 19. Sĩ quan hải quân Anh điều hành phần lớn tàu thuyền của Sở thuế, được thành lập như một phần của Cơ quan Hải quân, dưới sự giám sát của Sir Robert Hart. Tyler, người đã từng trên tàu đồ độc của Trung Quốc ở Weihaiwei vào năm 1985 mô tả hải quân Trung Quốc như “một mớ ngổn ngang không đồng nhất khổng lồ”.

Trong suốt thời kỳ cộng hòa, lực lượng hải quân Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch và Quốc dân Đảng (KMT) chủ yếu dựa vào những tàu còn lại từ thời nhà Thanh hoặc thu được từ nước ngoài. Không hề có nỗ lực đáng kể nào được thực hiện để tái thiết hải quân do tình hình chính trị và kinh tế hỗn loạn của Trung Quốc. Các tướng lĩnh cát cứ hiếm khi sử dụng hiệu quả các đơn vị hải quân, những tàu của họ lại được triển khai để tăng cường cho lực lượng lục quân, đây vốn là cách các nhà lãnh đạo phong kiến vẫn sử dụng lực lượng hải quân. Trong thời kỳ đỉnh cao của các tướng lĩnh cát cứ, hải quân Trung Quốc chạm tới điểm thấp nhất, từ giữa đến cuối những năm 1920, khi các nhà quan sát phương Tây không còn coi hải quân Trung Quốc là một lực lượng thực sự:

“Có một sự suy giảm dần dần trong kỷ luật của Hải quân Trung Quốc kể từ khi thành lập Trung Hoa Dân Quốc, và hiện nay Hải quân không còn tồn tại như một lực lượng quốc gia nữa, các đơn vị khác nhau dưới sự kiểm soát của các nhà quân phiệt khác nhau – những người coi những tàu thuyền này như tài sản riêng...Hiện nay không thể tập hợp được một danh sách đầy đủ các tàu chiến của Trung Quốc, chỉ ra đảng hoặc phe quân phiệt nào sở hữu chúng. Chủ sở hữu của các tàu thuyền này đã được thay đổi ... với tốc độ chóng mặt”.<sup>18</sup>

Chính phủ không hề phát triển chiến lược biển nào, bởi những mối đe dọa chủ yếu đến chế độ mới đều ở trên đất liền, từ phía Đảng Cộng sản và từ các tướng lĩnh cát cứ. Hải quân hoạt động phần lớn trên các sông, đặc biệt là sông Dương Tử và đường thủy của đồng bằng Quảng Châu. Rất nhiều tướng lĩnh cát cứ phải vật lộn để nắm quyền kiểm soát đối với các quận và tỉnh trong suốt thời kỳ kháng chiến 1916-1928, họ sử dụng đường thủy trong đại lục để vận chuyển, dùng làm hàng rào quân sự, hoặc như các nguồn thu thuế từ giao thông trên sông và các kênh. Những việc làm này đã dẫn tới đụng độ thường xuyên giữa lực lượng các tỉnh và chiến hạm triều của đình thần trên các sông hồ, nhưng hầu hết những việc này đều không có tác động gì mấy đến duy biển hoặc chiến lược xây dựng hải quân của Trung Quốc.

Có hai trường hợp ngoại lệ đáng chú ý. Đầu tiên là trận chiến ở thượng nguồn sông Dương Tử - thành phố cảng Wanhsien vào tháng 9/1926, tư lệnh địa phương, Tướng Yang Sen, đã lệnh cho tàu chạy bằng hơi nước của Anh vận chuyển quân đội của mình khi một chiến hạm của Anh, HMS Cockchafer, cố gắng để giải thoát các tàu hơi nước đã bị mắc vào trận phục kích do Yang chỉ huy và bị tổn thất nặng nề.<sup>19</sup> Vào tháng 10/1929

<sup>18</sup> “The Chinese Navy,” trong *Shanghai Defense Force and Volunteers* (Shanghai: North China Daily Herald, 1929[?]), tr. 1302.

<sup>19</sup> Trận chiến được mô tả trong Bernard D. Cole, *Gunboats and Marines: The U.S. Navy in China, 1925–1928* (Wilmington: Univ. of Delaware Press, 1982), tr. 89–90.



trên sông Hắc Long (Amur) cũng xảy ra một cuộc giao chiến nghiêm trọng giữa lực lượng của Trung Quốc và Liên Xô. Đây cũng là cuộc chiến tiên báo trước những tranh chấp biên giới.<sup>20</sup>

Sức mạnh trên biển là một cách hiệu quả để các cường quốc khác hiện diện ở Trung Quốc lúc bấy giờ “tăng cường lực lượng” khi sử dụng đường sông và trên biển để di chuyển quân đội nhanh chóng từ khu vực có khủng hoảng này sang khu vực có khủng hoảng khác.<sup>21</sup> Anh, Mỹ và Nhật Bản do đó có thể ảnh hưởng đến diễn biến của các sự kiện ở một Trung Quốc đang trải qua thời kỳ cách mạng với lực lượng quân sự tương đối khiêm tốn. Nước Trung Quốc Cộng hòa lúc bấy giờ là không thể đọ sức với hải quân của các nước trên.

Lịch sử sức mạnh hải quân Trung Quốc như một cường quốc hải quân trong suốt một thời gian dài các vương triều và thời kỳ cộng hòa cho thấy hoàn toàn có thể hiểu được sự chú tâm của nước này đối với lục địa thay vì là biển. Lực lượng hải quân được xây dựng và sử dụng gần như hoàn toàn cho mục đích phòng vệ. Sức mạnh biển được coi thứ yếu trong sức mạnh quốc gia.

## **CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA**

Chiến thắng của Cộng sản vào năm 1949 là một chiến thắng quân đội; Quân đội giải phóng Nhân dân Trung hoa (PLA) đã không thể triển khai sức mạnh qua eo biển hẹp Đài Loan. Hải quân Tưởng Giới Thạch tiếp tục đánh phá cơ sở ven biển, cho đặc vụ đổ bộ, tấn công các tàu buôn và tàu đánh cá, và đe dọa xâm nhập vào đất liền. Chính phủ ở Bắc Kinh của nước Cộng hòa Nhân dân mới đã phải tìm cách bảo vệ bờ biển và lãnh thổ hải đảo của mình trước Mỹ và chế độ Quốc Dân Đảng tại Đài Loan. Tháng 1/1950, phòng thủ bờ biển được đề cao bằng việc đặt một Ban Chỉ huy miền Đông Trung Quốc có trụ sở ở Thượng Hải và triển khai hơn 450.000 nhân viên. Hải quân miền Đông Trung Quốc được hình thành như một phần của lực lượng này.

### ***Những năm đầu: 1949 -1954***

---

<sup>20</sup> Swanson, *Eighth Voyage of the Dragon*, tr. 157. Các lực lượng hải quân “Trung Quốc” thực sự thuộc về Zhang Xueliang, lãnh chúa Mãn Châu (“Young Marshal”), người đã gần đây tuyên thệ trung thành với chính phủ của Tưởng Giới Thạch. Swanson nói về tính toàn của Trung Quốc trong trận chiến này kết thúc bằng chiến thắng của Liên Xô do hỏa lực vượt trội, bao gồm cả những trận không kích. Cũng trong tháng 10 – 1929 xảy ra một cuộc đụng độ với lực lượng Liên Xô trong tranh chấp ranh giới.

<sup>21</sup> Ví dụ, Mỹ sử dụng hai tàu chuyên chở hải quân và một tàu thương mại để di chuyển một trung đoàn lính thủy đánh bộ của Mỹ đến Viễn Đông, và sau đó là từ Philippines đến Trung Quốc, và từ Bắc đến Nam Trung Quốc, khi các cuộc khủng hoảng lên xuống.

Bắc Kinh ra lệnh cho các đồn trú phòng vệ bờ biển của Trung Quốc chống lại “sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc từ biển”, tiếp tục cuộc chiến chống lại lực lượng của Tưởng, và giúp đỡ tái thiết nền kinh tế.<sup>22</sup> Hải quân đầu tiên của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập chủ yếu do các vụ đào tẩu của Hạm đội phòng vệ bờ biển thứ hai của Quốc Dân Đảng.<sup>23</sup> Chỉ huy hải quân mới cho biết cần thiết phải “bảo vệ nền độc lập của Trung Quốc, toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền chống lại sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc[,...] để phá thế phong tỏa trên biển của Trung Quốc giải phóng, để hỗ trợ lực lượng lục quân và không quân của Quân đội Giải phóng Nhân dân trong việc bảo vệ đất nước và xóa mọi tàn dư của các lực lượng phản động”.<sup>24</sup> Một lực lượng hải quân cũng cần đến để thiết lập lại trật tự ven biển và các vùng nước ven sông, giúp quân đội kiểm soát được các đảo vẫn bị chiếm đóng bởi Đài Loan. Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc bổ sung cả việc “bảo vệ hai phía đông và đông nam bờ biển Trung Quốc và sông Dương Tử” vào nhiệm vụ của lực lượng hải quân mới.<sup>25</sup> Tướng Zhang Aiping là chỉ huy đầu tiên (và chính trị viên) của hải quân. Một trong những hành động đầu tiên của ông là thành lập trường đại học dành cho học viên hải quân ở Nam Kinh và tổ chức nên một cơ sở sửa chữa và hậu cần ban đầu.

Hải quân Trung Quốc đã chính thức được thành lập vào tháng 5/1950, dưới sự chỉ huy của Tướng Xiao Jinguang. Người Trung Quốc muốn xây dựng một lực lượng hải quân vừa không tốn kém vừa có thể nhanh chóng được huấn luyện và chỉ huy.<sup>26</sup> Ông Zhang và ông Xiao là cán bộ lãnh đạo điển hình cho Hải quân Trung Quốc những ngày đầu – những nhà cách mạng đã dành cả sự nghiệp của mình chỉ huy lục quân và được chuyển giao về hải quân vì độ tin cậy chính trị và những chiến công chứ không phải có bất kỳ kinh nghiệm đặc biệt nào về hải quân.

---

<sup>22</sup> PLAN Phó Chỉ huy Zhou Xihan, 1957, trích từ David G. Muller, Jr., *China's Emergence as a Maritime Power* (Boulder, Colo.:Westview, 1983), tr. 47

<sup>23</sup> Larry M. Wortzel, “The Beiping-Tianjin Campaign of 1948–49: The Strategic and Operational Thinking of the People's Liberation Army” (paper prepared for the U.S. Army War College's Strategic Studies Institute, Carlisle, Pa., n.d.), chart 1, chỉ ra rằng vào tháng 7-1949 PLA thực sự bao gồm cả 77 “tàu hải quân”. Gene Z. Hanrahan, “Report on Red China's New Navy,” U.S. Naval Institute *Proceedings* 79, no. 8 (8/ 1953), tr. 847, mô tả đóng góp của KMT cho lực lượng này “25 tàu từ LCTs (tàu đổ bộ, dài khoảng 120 feet và nặng 260 tấn) đến tàu tấn công, chiếm đến xấp xỉ một phần tư lực lượng hải quân KMT”.

<sup>24</sup> Tướng Zhang Aiping, trích trong Hanrahan, “Report on Red China's New Navy,” tr. 848. See Bernard D. Cole, *Taiwan's Security: His-tory and Prospects* (London: Routledge, 2006), chương 2, để tham khảo thêm về những hoạt động của KMT trong thời gian này.

<sup>25</sup> Trích trong Shu Guang, *Mao's Military Roman-ticism: China and the Korean War, 1950–1953* (Lawrence: Univ. Press of Kansas, 1995), tr. 51.

<sup>26</sup> Hanrahan, “Report on Red China's New Navy,” tr. 46–54, một mô tả hữu ích về khởi đầu của PLAN. Muller, *China's Emergence as a Maritime Power*, tr. 13, ước tính có khoảng 2000 cựu quân nhân của hải quân của Trung Hoa Dân quốc đào thoát sang chế độ cộng sản vào năm 1949 và hình thành nên những thành phần cốt cán của PLAN mới ra đời.

**Sự hỗ trợ từ Liên Xô.** Mao Trạch Đông nhận được hỗ trợ tài chính trong chuyến thăm đến Mát-xcơ-va năm 1949-1950; ông dự định sử dụng một nửa khoản vay 300 triệu USD ban đầu từ Liên Xô để mua thiết bị hải quân. Hải quân Trung Quốc mới cũng mua hai tàu tuần dương mới từ Anh và đã cố gắng để có thêm chiến hạm nước ngoài thông qua Hồng Kông. Nhưng nỗ lực này bị dập tắt vì chiến tranh Triều Tiên bùng nổ.<sup>27</sup>

Trung Quốc chủ yếu mua lại tàu nhỏ phù hợp để chống lại các mối đe dọa ven biển từ Đài Loan. Đầu tiên, nước này có được bốn tàu ngầm cũ từ Liên Xô, hai tàu khu trục, và một số lượng lớn các tàu tuần tra. Lực lượng mới cũng bao gồm khoảng 10 tàu hộ tống, 40 tàu đổ bộ của Mỹ, và vài chục pháo hạm trên sông, tàu dò mìn, đều tịch thu được từ Quốc Dân Đảng. Liên Xô cũng giúp thiết lập cơ sở hạ tầng trên bờ lớn, bao gồm nhà máy đóng tàu, các trường cao đẳng hải quân, và các công sự trải dài vùng ven biển.<sup>28</sup>

**Các đảo xa bờ.** Mục tiêu của Bắc Kinh là thu giữ các đảo ngoài khơi vẫn còn bị Quốc Dân Đảng chiếm đóng. Cuộc xâm lược của Đài Loan theo dự kiến ban đầu sẽ vào mùa xuân 1950 nhưng cũng sớm bị hoãn lại đến mùa hè năm 1951. Mao Trạch Đông coi việc thu tóm Đài Loan “một bộ phận không thể tách rời trong sự nghiệp thống nhất Trung Quốc của ông.”<sup>29</sup> Ông thiếu kinh nghiệm hải chiến nhưng nhanh chóng nhận ra rằng một chiến dịch thành công chống lại Đài Loan cần phải có đủ sự huấn luyện đổ bộ, vận chuyển hải quân, “đảm bảo bao vây trên không”, và sự hợp tác của “nội gián” trên đảo – những điều kiện cho đến nay vẫn áp dụng.<sup>30</sup>

Trung Quốc đạt được thắng lợi to lớn vào tháng 4/1950 khi quân Trung Quốc chiếm đóng đảo Hải Nam, đảo lớn nhất sau Đài Loan bị chiếm giữ bởi Quốc Dân Đảng.

<sup>27</sup> Các cơ quan đại diện của Trung Quốc tại Matscova được bàn luận, trong một số trường hợp các văn bản đúng nguyên văn, trong “Inside China’s Cold War,” *Cold War History Project Bulletin*, số 16 (Thu 2007 / Đông 2008) (được chỉnh sửa bởi Christian Ostermann, tại Trung tâm Woodrow Wilson, tại Washington, D.C.). Có lẽ bản mô tả hoàn thiện nhất về PLAN hoạt động trên eo biển Đài Loan trong giai đoạn là của He Di, “Last Campaign to Unify China: The CCP’s Unmaterialized Plan to Liberate Taiwan, 1949–1950,” *Chinese Historians* 5 (Xuân 1992), tr. 8. Tác giả của tác phẩm làm việc tại Viện nghiên cứu Hoa Kỳ của Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc và dường như có thể có tiếp cận đầy đủ nhất đến tài liệu lưu trữ của PLA trong quá trình nghiên cứu thực hiện bài viết này.

<sup>28</sup> Raymond V. B. Blackman, ed., *Jane’s FightingShips: 1955–56* (London: Jane’s Fighting Ships, 1956), tr. 151ff., cung cấp con số, nhưng chỉ nên coi đây là những con số tương đối. Swanson, *Eighth Voyage of the Dragon*, tr. 196, miêu tả những dự án lớn như một sự bổ sung “250 dặm, rãnh thông tin liên lạc rộng 10 feet song song với bờ phía nam của sông Dương Tử từ Wusong cho tới thượng nguồn sông Cửu Giang”, chú ý rằng “một rãnh tương tự được xây dựng dọc theo bờ biển phía nam Thượng Hải khoảng 200 dặm.”

<sup>29</sup> He, “Last Campaign to Unify China,” tr. 2, chỉ ra rằng Mao Trạch Đông hoãn ngày tấn công Đài Loan vài lần khi PLA thất bại trong việc chống lại hàng loạt các đảo ngoài khơi nhấn mạnh thời gian cần thiết thêm cho việc chuẩn bị một cuộc đổ bộ quy mô lớn thành công. Muller, *China’s Emergence as a Maritime Power*, p. 16, gives August 1951 as the planned invasion month.

<sup>30</sup> He, “Last Campaign to Unify China,” tr. 4. Edward J. Marolda, “U.S. Navy and the Chinese Civil War, 1945–1952” (PhD diss., George Washington University, 1990), tr. 139, cho biết mùa xuân 1950 Bắc Kinh đã “tập hợp một hạm đội hỗn tạp gồm 5000 tàu vận tải, thuyền có động cơ, và các thuyền tam bản” để xâm lược Đài Loan; những tàu thuyền này được điều khiển bởi “30.000 ngư dân và những thủy thủ khác”.

Chiến dịch này đã khiến Bắc Kinh trả giá nặng nề về con người nhưng lại thu giữ được 90.000 quân Quốc Dân Đảng. Chiến thắng này là kết quả của một kế hoạch tỉ mỉ của Quân đội Trung Quốc, vô hiệu hóa tận cùng lực lượng hải quân và không quân của Quốc Dân Đảng bằng cách tận dụng pháo binh trên bờ nhằm đạt được sự kiểm soát biển và không phận một cách hiệu quả giữa đảo Hải Nam và lục địa cũng như sự chỉ huy yếu kém của chỉ huy cao cấp Đài Loan.

Cuộc chiến tranh Triều Tiên nổ ra hai tháng sau đấy, nỗi lo sợ của Trung Quốc trước các hành động hiếu chiến của Mỹ càng tăng khi Tổng thống Harry Truman hạ lệnh cho Hạm đội 7 tiến vào eo biển Đài Loan vào tháng 6/1965. Hành động này cho thấy Mỹ tái can dự vào cuộc nội chiến giữa hai bờ. Truman coi đây là hành động nhằm ngăn chặn hai bờ tấn công lẫn nhau; tuy nhiên Bắc Kinh xem đây là việc Mỹ phòng thủ giúp cho Đài Loan - điều mà Đài Loan đã yêu cầu trong nhiều tháng nhưng Mỹ vẫn luôn từ chối.<sup>31</sup> Thủ tướng Chu Ân Lai gọi đây là “hành động cướp bóc thô bạo của chính quyền Mỹ nhằm xâm lược lãnh thổ Trung Quốc và hoàn toàn trái với Hiến chương Liên Hiệp Quốc”.<sup>32</sup> Bắc Kinh lúc đấy cho rằng, Mỹ đã kiểm soát toàn bộ vùng biển và vùng trời Tây Thái Bình Dương - điều mà ngày nay Mỹ vẫn đang làm.

Những lo ngại của Bắc Kinh được củng cố thêm vào tháng 2/1953 khi Tổng thống Dwight Eisenhower rút hạm đội của Mỹ ra khỏi eo biển Đài Loan, như vậy về lý thuyết là đã “tháo xích” cho quân Quốc Dân Đảng tấn công Trung Quốc.<sup>33</sup> Tháng 12/1953, Mao Trạch Đông giao cho Hải quân Trung Quốc ba nhiệm vụ cần ưu tiên: loại bỏ sự quấy nhiễu của hải quân Quốc Dân Đảng và bảo vệ an toàn hàng hải cho các tàu buôn Trung

---

<sup>31</sup> Xem Robert J. Donovan, *Tumultuous Years: The Presidency of Harry S Truman, 1949–1953* (New York: W. W. Norton, 1983), tr. 206, về quyết định của Truman khi di chuyển Hạm đội 7, và tr.241 để hiểu về quan điểm của các nhà lãnh đạo (như Truman, Acheson, Bohlen v.v) về việc triển khai Báo cáo của Hội đồng an ninh Quốc gia NSC-68, bản báo cáo tác động đến việc Mỹ chuẩn bị cho Chiến tranh Lạnh và nguy cơ chiến tranh toàn cầu với các thế lực Cộng sản do Liên Xô lãnh đạo: "Vào ngày cuối cùng của tháng 7-1950, Truman và Acheson đã thảo luận về một đại chiến lược. Con mắt của người Mỹ lúc bấy giờ gắn chặt vào Triều Tiên... Tổng thống và Ngoại trưởng thì ấn định cái nhìn vào sông Rhine và sông Elbe." Phản ứng của Trung Quốc được thể hiện trong bài phát biểu của Mao Trạch Đông tại Kỳ họp lần thứ 8 của Hội đồng nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, ngày 28/06/1950 trong Jerome Ch'en, *Mao*, ed. Gerald Emanuel Stearn (Englewood Cliffs, N.J.: Prentice Hall, 1969), tr. 115. Một góc nhìn đối lập đang tin cậy về các dự định của Mỹ lúc bấy giờ được tìm thấy trong Bruce A. Elleman, *High Seas Buffer: The Taiwan Patrol Force, 1950–1979*, Newport Paper 38 (Newport, R.I.: Naval War College Press, April 2012), đặc biệt là chương 1, xem tại [www.usnwc.edu/press/](http://www.usnwc.edu/press/).

<sup>32</sup> Được trích dẫn trong “U.S. Navy and the Chi-nese Civil War,” đoạn 119–20

<sup>33</sup> Fred L. Israel, ed., “Dwight D. Eisenhower: First Annual Message,” trong cuốn *The State of the Union Messages of the Presidents, 1790–1966*, vol. 3, 1905–1966 (New York: Chelsea House, 1967), tr. 3015. Trong bài phát biểu trước Quốc hội ngày 2/2/1953, Eisenhower nhận xét rằng từ khi Trung Cộng can thiệp vào chiến tranh Triều Tiên, ông không còn cảm thấy cần phải “bảo vệ” họ tránh khỏi một cuộc xâm lược từ Tưởng Giới Thạch/

Quốc trên biển; chuẩn bị chiếm lại đảo Đài Loan và đối phó với các hành vi xâm lược từ đường biển.<sup>34</sup>

Lực lượng hải quân non trẻ của Trung Quốc phải đối diện với rất nhiều khó khăn, các cuộc tấn công chớp nhoáng bằng đường biển của quân Quốc Dân Đảng cho thấy Trung Quốc còn thiếu nhân lực có chuyên môn và các tàu đổ bộ. Hơn nữa, vào tháng 2/1952, Mao Trạch Đông chuyển hướng ngân sách mua sắm tàu chiến sang mua máy bay phục vụ cho chiến tranh Triều Tiên.<sup>35</sup> Lúc bấy giờ, mua bán trang thiết bị từ nước ngoài bị cản trở vì phương Tây từ chối bán vũ khí cho Trung Quốc và vì ngân sách có hạn.

Hơn nữa, tuy các lãnh đạo cao cấp quân đội Trung Quốc có một số chuyến thăm đến Mát-xcơ-va, Liên Xô vẫn buộc Trung Quốc phải trả tiền mua tàu chiến ngay lập tức, cho dù chúng đã lỗi thời.<sup>36</sup> Hải quân Trung Quốc cũng thiếu sức mạnh không quân và chỉ mới bắt đầu thành lập các cơ sở bảo dưỡng, hậu cần đủ năng lực.

### **1955-1959**

Chiến tranh Triều Tiên để lại cho Trung Quốc nhiều bài học đa dạng về hải quân. Cuộc đổ bộ ở Inchon vào tháng 9/1950 là bước ngoặt lớn của cuộc chiến, khi mà viên chỉ huy chiến dịch trên biển của Liên Hiệp Quốc ra lệnh cho phép sử dụng tất cả các máy bay và tàu chiến sẵn có ném bom Bắc Triều Tiên và quân đội Trung Quốc. Tuy nhiên, lực lượng của Liên Hiệp Quốc cũng đã ít nhất một lần phải chịu thất bại trên biển, khi kế hoạch đổ bộ lên cảng Hungnam ở bờ biển phía Đông vào tháng 10/1950 phải hủy bỏ vì cảng này đã bị đặt mìn. Tuy nhiên về tổng thể, chiến tranh Triều Tiên không phải là một xung đột trên biển, và vai trò chủ lực của lực lượng lục quân trong cuộc chiến này đã góp phần kéo dài chính sách giới hạn vai trò hải quân trong phạm vi phòng thủ bờ biển.

Các hoạt động của Hải quân Trung Quốc trong khoảng giữa thập niên 1950 tiếp tục tập trung vào việc chống đỡ các cuộc tấn công của Quốc Dân Đảng và tấn công các đảo mà Đài Loan chiếm đóng. Khủng hoảng eo biển Đài Loan 1954-1955 cùng với việc quân đội Trung Quốc chiếm được đảo Dachen là kết quả của vận dụng sức mạnh không quân ưu việt và tổ chức tốt chiến dịch đổ bộ lên một hòn đảo ngoài khơi.<sup>37</sup>

<sup>34</sup> Swanson, *Eighth Voyage of the Dragon*, tr. 187

<sup>35</sup> *Dangdai Zhonggun Haijun* (Beijing: ChinaSocial Services Publishing House, 1987), được dịch thành *China Today: The People's Navy* [từ nay về sau *People's Navy*] trong FBIS, JPRS-CAR-90-014 (16 July 1990), tr. 7

<sup>36</sup> Như trên, tr. 10, cũng đã nhấn mạnh rằng các tàu Xô viết được thiết kế phù hợp với khí hậu phương bắc và gặp một số khó khăn khi hoạt động trong vùng nước ấm thuộc Đông và Nam biển Đông, và đây cũng là mối quan ngại khi Trung Quốc mua các tàu khu trục có tên lửa dẫn đường của Liên Xô.

<sup>37</sup> Gordon Chang and He Di, "The Absence of War in the U.S.-China Confrontation over Quemoy and Matsu in 1954-1955: Contingency, Luck, Deterrence?," *AmericanHistorical Review* (December 1993), tr. 1514, miêu tả đây

Trường không quân đầu tiên của lực lượng hải quân được thành lập ở Thanh Đảo vào tháng 10/1950 và lực lượng không quân của hải quân, được gọi là “Lực lượng Không quân trên biển của Quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc”, hay đơn giản là “không quân trên biển”, được thành lập vào năm 1952. Nhiệm vụ của lực lượng này là hỗ trợ các hoạt động phòng thủ trên mặt nước và phòng thủ ngầm. Thống kê ban đầu cho thấy lực lượng này có 8 máy bay, bao gồm máy bay cường kích MiG15, máy bay ném bom Il-28, máy bay cánh quạt chiến đấu Tu-2. Số máy bay của lực lượng không quân trên biển đã tăng lên thành 470 vào năm 1958.<sup>38</sup>

Các hoạt động của hải quân Trung Quốc được tiến hành bởi Hạm đội Bắc Hải, Đông Hải và Nam Hải. Cuối thập kỷ, Trung Quốc đã sở hữu phần lớn các đảo tranh chấp với Đài Loan ngoại trừ đảo Kim Môn, quần đảo Mã Tổ, Bành Hồ, và tất nhiên cả đảo Đài Loan. Quân đội Trung Quốc cũng đã đánh bại các chiến dịch tấn công vào đất liền của Quốc Dân Đảng cũng như các cuộc tấn công vào tàu cá và tàu buôn.<sup>39</sup> Chỉ trong 10 năm kể từ khi thành lập, Hải quân Trung Quốc được cơ cấu tổ chức, tiến ra biển và đã chứng tỏ được năng lực phòng thủ bờ biển.

### ***Tình hình mới: 1960-1976***

Trong thập niên 1960, nhiều sự kiện lớn trong nước và quốc tế đã kìm hãm sự phát triển của lực lượng hải quân. Nổi bật nhất là sự chia rẽ trong quan hệ Trung-Xô, đặc biệt là khi Liên Xô rút các cố vấn (cùng với các kế hoạch của họ) về nước vào giữa thập niên 1960. Lực lượng hải quân, cùng với phần còn lại của quân đội Trung Quốc, phải chịu ảnh hưởng nặng nề vì các dự án phát triển quân sự trở nên rối ren.

---

là chiến dịch “10,000 binh sĩ Trung Quốc ...áp đảo 1,086 quân Tưởng Giới Thạch.

<sup>38</sup>*People's Navy*, tr.36–37. Kenneth W. Allen, Glenn Krumel, and Jonathan D. Pollack, *China's Air Force* (Santa Monica, Calif.:RAND, 1995), tr. 205 chú thích 11, và phụ lục E, tr. 221–29, đã miêu tả chi tiết các chương trình phòng không của quân đội Trung Quốc. Swanson, *Eighth Voyage of the Dragon*, tr. 205, ước tính là 470 máy bay, có một giả thiết hợp lý là không quân của hải quân sử dụng lại các đời máy bay cũ của Không quân Trung Quốc.

<sup>39</sup> Các đảo còn lại vẫn nằm dưới sự kiểm soát của Đài Loan, gồm cả đảo Đông Sa và Ba Bình ở biển Đông. Đài Loan tiếp tục tấn công vào lục địa cho đến tận những năm 60. Các chiến dịch ở eo biển Đài Loan được mô tả trong Li Xiaobang, “PLA Attacks and Amphibi-ous Operations during the Taiwan Straits Crisis of 1954–58” (bài tham luận trình bày tại Center for Naval Analyses [CNA] Conference on the PLA's Operational History, Alexandria, Virginia, tháng 6/1999), và Alexander Huang, “PLA Navy at War, 1949–1999: From Coastal Defense to Distant Operations” (bài tham luận cũng trình bày ở hội thảo nói trên). Thomas Torda, “Struggle for the Taiwan Strait: A 50th Anniversary Perspective on the First Communist-Nationalist Battles for China's Offshore Islands and Their Significance for the Taiwan Strait Crises” (bản thảo chưa xuất bản, 1999), mô tả những cuộc chiến này, gồm cả những thành công và thất bại của quân đội Trung Quốc. Xem thêm, Alexander Huang, “Evolution of the PLA Navy and Its Early Combat Experiences” (tham luận trình bày tại CNA Conference on the People's Liberation Army Navy, Washington, D.C., tháng 4/2000), tr. 3, về bảng tổng kết các hoạt động chiến tranh của Hải quân Trung Quốc trong giai đoạn này. Chang and He, “Absence of War in the U.S.-China Confrontation,” tr. 1504, 1510 chú thích 7–8, ghi nhận điều này.

Các sự kiện nổi bật khác trong đầu thập niên 1960 gồm có chiến tranh với Ấn Độ, xung đột nổi lên ở Việt Nam, hỗn loạn ở các nước Châu Phi mới, và phong trào cách mạng ở khắp Đông Nam Á. Không có sự kiện quốc tế lớn nào trực tiếp liên quan đến hải quân; hiện đại hóa hải quân vốn không được chú trọng, nay càng bị hạn chế. Vào cuối thập niên 1960, quan hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc trở nên xấu đi, đỉnh điểm là xung đột vũ trang trên sông Amur. Đồng minh cũ nay trở thành kẻ thù; và sau đó không lâu thì đến lượt Mỹ trở thành đồng minh của Trung Quốc. Bắc Kinh coi hải quân Liên Xô là mối đe dọa xâm lược nguy hiểm nhất. Dù Liên Xô chỉ triển khai một lực lượng đổ bộ yếu từ Hạm đội Thái Bình Dương nhưng Trung Quốc vẫn lo ngại vì lịch sử bị đe dọa quân sự từ phương Bắc, vì sự cạnh tranh về địa lý với Liên Xô và vì Trung Quốc đang phát triển kinh tế tập thể ở vùng Đông Bắc.<sup>40</sup>

Những bước tiến trong hải quân cũng bị cản trở bởi chương trình công nghiệp hóa và tập thể hóa cưỡng bức vào những năm 1958-1961, được biết tới với tên gọi “Đại nhảy vọt” và sau đó là “Đại Cách mạng Văn hóa Vô sản” diễn ra trong khoảng 1966-1976. Hải quân vẫn chỉ được coi là bộ phận mở rộng của quân đội, hiện đại hóa bị hạn chế vì học thuyết “Chiến tranh nhân dân” của quân đội Trung Quốc coi công nghệ và vũ khí không quan trọng bằng quân sĩ mang nhiệt tình cách mạng thấm đẫm tư tưởng Mao Trạch Đông. Cách mạng Văn hóa đã làm cản trở sự phát triển nói chung, ngay cả những lĩnh vực cực kỳ quan trọng như tên lửa, tàu ngầm và vũ khí hạt nhân cũng bị ảnh hưởng.<sup>41</sup> Hiện đại hóa hải quân bị chậm lại trong khoảng hai thập kỷ vì bị hạn chế và vì những thiệt hại về nhân lực trong giai đoạn chính trị rối ren này. Ngoại trừ tiến bộ trong sức mạnh hạt nhân trên biển, Hải quân Trung Quốc đã bỏ lỡ hoặc phát triển rất muộn các thành tựu vốn đã trở nên phổ biến trong lĩnh vực chiến tranh, bao gồm triển khai các tên lửa dẫn đường phòng không, chống ngầm và đối hải; tự động hóa và vi tính hóa trong quá trình ra lệnh và kiểm soát; tăng cường sử dụng trực thăng trên biển, tự động hóa súng máy và hệ thống cảm biến, và ngay cả công nghệ tua-bin tự động hóa chạy bằng khí đốt cho tàu thủy.

---

<sup>40</sup> Raymond V. B. Blackman, ed., *Jane's Fighting Ships, 1970-1971* (London: Jane's Yearbooks, 1970), tr. 610, ghi nhận lực lượng hải quân Liên Xô chỉ có 4 tàu đổ bộ lớn (lượng choán nước: 4000 tấn) và 80 tàu đổ bộ nhỏ (choán nước 1000 tấn) trải rộng khắp 4 hạm đội từ Thái Bình Dương đến biển Baltic.

<sup>41</sup> *People's Navy* nhấn mạnh nhiều lần về hệ quả thanh trừng của Cách mạng Văn hóa. John R. O'Donnell, “An Analysis of Major Developmental Influences on the People's Liberation Army-Navy and Their Implication for the Future” (luận văn thạc sĩ, U.S. Army Command and General Staff College, Fort Leavenworth, Kansas, 1995), tr. 42, liệt kê Chính ủy hải quân Trung Quốc, Tổng chỉ huy chiến dịch, Chỉ huy hạm đội Đông Hải, 2 phó chính ủy hải quân và 2 chính ủy cấp hạm đội nằm trong danh sách “120 sĩ quan hải quân cao cấp và hàng nghìn cán bộ cấp thấp bị thanh trừng.” Xem thêm John Wilson Lewis and Xue Litai, *China's Strategic Seapower: The Politics of Force Modernization in the Nuclear Age* (Stanford, Calif.: Stanford Univ. Press, 1994), tr. 206, theo đó, ngay cả Chu Ân Lai cũng không thể bảo vệ được những chương trình này.

Hiện đại hóa hải quân đã bị cắt đứt trong những năm cuối thời kỳ Cách mạng Văn hóa bởi “Bè lũ bốn tên”. Vợ góa của Mao Trạch Đông, Giang Thanh, đã chỉ đạo một cuộc tấn công vào chương trình phát triển tên lửa trên biển. Một thành viên khác của bè lũ bốn tên, Trương Xuân Kiêu, đã bày tỏ quan điểm bài xích lực lượng hải quân.<sup>42</sup> Mặc cho thái độ đầy căm như sự thiếu hụt nguồn lực để phát triển hải quân chính quy, từ năm 1970 Hải quân Trung Quốc vẫn tiến vào kỷ nguyên tên lửa, triển khai tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo (do Liên Xô thiết kế) và 10 tàu tuần tra do Liên Xô đóng có trang bị tên lửa hành trình.

Dù có những hỗn loạn về hệ tư tưởng vào cuối thập niên 1950, đầu 1960, Bắc Kinh vẫn đầu tư mạnh vào tên lửa mang đầu đạn hạt nhân và tàu ngầm hạt nhân. Trong suốt thập niên 1950, Bắc Kinh dựa vào sức mạnh hạt nhân của Liên Xô để đối phó với đe dọa hạt nhân từ Mỹ. Một trong những nguyên nhân dẫn đến căng thẳng với Liên Xô là việc Mao Trạch Đông quyết tâm phát triển chương trình hạt nhân của riêng Trung Quốc và tuyên bố “dù phải mất 10.000 năm cũng phải chế tạo được tàu ngầm nguyên tử”.<sup>43</sup> Mao Trạch Đông quả quyết rằng Trung Quốc phải gia nhập câu lạc bộ nguyên tử. Tuy nhiên, đây là một kế hoạch chung, không chỉ nhằm vào riêng lực lượng hải quân và điều này không làm gia tăng đáng kể khả năng tiếp cận các nguồn lực trong quân đội cần thiết cho hiện đại hóa của hải quân.

Ngân sách tập trung vào vũ khí hạt nhân, nền kinh tế kiệt quệ do hệ quả của Đại nhảy vọt và Cách mạng Văn hóa cùng niềm tin kiên trì vào tư tưởng Mao Trạch Đông đã góp phần khiến Hải quân Trung Quốc thiếu các nguồn lực để hiện đại hóa nửa cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960.

### ***Sau Đại cách mạng Văn hóa Vô sản***

Tuy nhiên, vào tháng 5/1975, tại một cuộc họp của Quân ủy Trung ương (CMC), Mao Trạch Đông đã trực tiếp chỉ đạo phải hiện đại hóa quân đội, như một cách đối phó lại mối đe dọa từ Liên Xô và từ kẻ thù truyền kiếp đang nổi lên - Nhật Bản. Lợi ích quốc gia Trung Quốc, bao gồm các tuyến đường biển có tính chất sống còn với hoạt động giao thương hàng hải của nước này, bị đe dọa vì hải quân Liên Xô đã thiết lập được sự hiện diện liên tục trên Ấn Độ Dương và phía bắc Biển từ cuối thập niên 1970 sang đến thập niên 1980. Hạm đội Thái Bình Dương của Liên Xô gần như tăng gấp đôi về số lượng trong thập niên 1970 với các phương tiện chiến đấu tối tân, bao gồm các tàu ngầm và tàu mặt nước chạy bằng năng lượng nguyên tử và được trang bị vũ khí hạt nhân. Các tàu

<sup>42</sup> Quoted in *People's Navy*, p. 13

<sup>43</sup> Cited in Muller, *China's Emergence as a Mari-time Power*, p. 154



buôn và tàu cá của Nga cũng có mặt khắp các vùng nước có vai trò tối quan trọng đối với lợi ích kinh tế Trung Quốc trên Thái Bình Dương.

Có một số yếu tố tiếp tục cản trở sự lớn mạnh và hiện đại hóa hải quân Trung Quốc. Dư chấn chính trị của Cách mạng Văn hóa, khi Đặng Tiểu Bình và Hoa Quốc Phong tranh đoạt quyền lãnh đạo sau khi Mao Trạch Đông qua đời, đã làm hạn chế các nguồn lực dành cho hiện đại hóa quân đội. Tình hình không được cải thiện cho đến năm 1980 khi Đặng Tiểu Bình lên nắm quyền. Nhưng Đặng Tiểu Bình lại một lần nữa nhấn mạnh vai trò của hải quân chỉ là lực lượng phòng thủ bờ biển và giữ quan điểm này trong nửa đầu thập niên 1980. “Hải quân của chúng ta”, Đặng Tiểu Bình khẳng định, “phải tổ chức các hoạt động ven biển. Hải quân là lực lượng phòng thủ. Mọi hoạt động của hải quân phải phù hợp với nguyên tắc chỉ đạo này.”<sup>44</sup>

Sự phát triển của hải quân bị hạn chế bởi những rối loạn trong cơ cấu kinh tế - xã hội Trung Quốc sau khi Cách mạng Văn hóa kết thúc. Sự rối loạn này đã ảnh hưởng đến ngành công nghiệp quốc phòng Trung Quốc, cản trở các nỗ lực hiện đại hóa quân đội nói chung. Hơn thế nữa, dù việc “trừng phạt” Việt Nam năm 1979 là bài học cảnh tỉnh cho quân đội, nhưng cuộc xung đột này không liên quan đến lực lượng hải quân. Vì vậy, dù sau đây Trung Quốc có những quyết định đúng đắn về ngân sách, hải quân cũng chỉ được hưởng lợi ích bên lề của các quyết sách đấy.

Cuối cùng, thế chân vạc giữa ba nước Trung Quốc - Liên Xô - Mỹ cho thấy vào thập niên 1980, Trung Quốc có thể dựa vào lực lượng hải quân lớn nhất và hiện đại nhất thế giới để chống lại mối đe dọa trên biển từ phía Liên Xô. Việc Trung Quốc phát triển một lực lượng hải quân tương tự như vậy là không cần thiết. Hơn nữa, do hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật, Bắc Kinh có thể gộp những quan ngại về sự xâm lược của Nhật Bản trong tương lai vào mối quan hệ chiến lược giữa Bắc Kinh và Washington.<sup>45</sup>

Những thay đổi lớn về tình hình trong nước và quốc tế trong thập niên 1980 khiến Bắc Kinh phải điều chỉnh quan điểm về hải quân, và vào cuối thập kỷ, sức mạnh trên biển trở thành một công cụ quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia. Ưu tiên thứ hai của Hải quân Trung Quốc sau việc đối phó với mối đe dọa từ Liên Xô là đảm bảo các yêu sách đối với các đảo xa bờ. Đài Loan là quan trọng nhất, nhưng Biển Đông cũng là một mối quan tâm đáng chú ý. Dù Trung Quốc thành công trong việc chống lại lực lượng Hải

<sup>44</sup> Lewis and Xue, *China's Strategic Seapower*, p. 223, discusses Hua's decision; Deng is quoted on p. 224

<sup>45</sup> Fred Hiatt, “Marine General: U.S. Troops Must Stay in Japan,” *Washington Post*, 27 March 1990, tr. A14, trích dẫn lời Trung tướng Henry Stackpole, Lực lượng lính thủy đánh bộ Mỹ, chỉ huy Lực lượng Hải quân Viễn chinh số III tại Okinawa, miêu tả Mỹ là “nắp của cái chai Nhật Bản” câu nói này sau đây Trung tướng Stackpole đã xác nhận với tôi trong một cuộc nói chuyện.

quân Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1974 và giành quyền sở hữu với quần đảo Hoàng Sa, cuộc hải chiến cho thấy các quốc gia yêu sách khác trên Biển Đông sẽ không dễ dàng chấp nhận các yêu sách lãnh thổ của Trung Quốc. Hơn nữa, cuối thập niên 1970, căn cứ hải quân của Nga đóng tại Cam Ranh phát triển rất mạnh.

Những nhân tố sau đã đóng góp vào sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu của Hạm đội Nam Hải: lực lượng lính thủy đánh bộ - được thành lập lần đầu vào năm 1953, sau đó bị giải thể năm 1967 - được tái thiết lập vào tháng 12 năm 1979, là lực lượng tấn công đổ bộ được chỉ đạo giao cho hạm đội phía nam. Nguồn vật lực dành cho đổ bộ vốn mỏng manh của Hải quân Trung Quốc được tập trung vào Hạm đội Nam Hải nhằm tổ chức các bài diễn tập “chiếm đảo”. Ví dụ, vào năm 1980 có một bài tập lớn trên Biển Đông tập trung vào việc chiếm giữ và phòng thủ các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa.<sup>46</sup>

Được hưởng lợi ích từ những thay đổi trong cơ cấu lực lượng của quân đội Trung Quốc, Hạm đội Nam Hải lần đầu tiên tập trung phát triển các tàu chiến do Trung Quốc đóng. Mặc dù còn phải lệ thuộc nhiều vào các thiết kế của Liên Xô, các tàu khu trục trang bị tên lửa dẫn đường lớp Luda, tàu hộ vệ tên lửa lớp Jianghu, tàu tên lửa tấn công nhanh Hujian đã đánh dấu bước phát triển đáng chú ý của Hải quân Trung Quốc. Lực lượng tàu ngầm bao gồm các tàu ngầm năng lượng nguyên tử đầu tiên do Trung Quốc đóng cùng với 60 tàu ngầm thông thường. Lực lượng răn đe hạt nhân trên biển tiếp tục phát triển, theo đúng lời dạy của Mao Trạch Đông từng tuyên bố hải quân phải được xây dựng nhằm “khiến cho kẻ thù khiếp sợ”.<sup>47</sup>

### ***Hải quân dưới thời Đặng Tiểu Bình***

Việc mở rộng và phát triển hải quân được thúc đẩy vào thập niên 1980 do các trung tâm kinh tế mới bùng nổ và các công trình quân sự của Trung Quốc đều tập trung ven bờ biển. Hơn nữa, sự phát triển kinh tế vượt bậc và giàu lên của Trung Quốc đã cung cấp các nguồn lực cần thiết cho việc hiện đại hóa hải quân. Công cuộc phục hồi sau Cách mạng văn hóa đã đem đến một luồng sinh khí mới, ít tập trung bao cấp hơn cho ngành công nghiệp quốc phòng.

---

<sup>46</sup> Tai Ming Cheung, *Fortifying China: The Struggle to Build a Modern Defense Economy* (Ithaca, N.Y.: Cornell Univ. Press, 2009), tr. 28. Lực lượng lính thủy đánh bộ của Trung Quốc, bị giải tán vào năm 1958 do "không cần thiết" đã được tái thiết lập năm 1980. Sự tập trung vào lực lượng đổ bộ thuộc Hạm đội Nam Hải kéo dài đến năm 2012, cho thấy kế hoạch đổ bộ của Hải quân Trung Quốc nhằm vào biển Đông hơn là nhằm vào Đài Loan.

<sup>47</sup> John E. Moore, ed., *Jane's Fighting Ships: 1976-77* (New York: Franklin Watts, 1977), tr.100. Hải quân Trung Quốc cũng đã có các tàu theo dõi tên lửa nhằm tìm kiếm các tên lửa được dẫn đường và tàu đổ bộ lần đầu tiên do Trung Quốc đóng. Lời nói của Mao Trạch Đông được trích dẫn trong Muller, *China's Emergence as a Maritime Power*, tr. 171

Có ba sự kiện đóng góp nổi bật cho sự phát triển của lực lượng hải quân trong thập kỷ này. Thứ nhất, trong một cuộc họp Quân ủy Trung ương mở rộng năm 1975, Đặng Tiểu Bình nhận xét quân đội là “quá đông, lười nhác, kiêu ngạo, trang bị yếu, và kém chuẩn bị cho các cuộc chiến tranh hiện đại” - một ý kiến đã được minh chứng qua sự yếu kém của quân đội Trung Quốc trong xung đột với Việt Nam năm 1979.<sup>48</sup> Thứ hai là quyết định chiến lược của Bắc Kinh vào năm 1985, cho rằng Liên Xô không còn là mối đe dọa lớn về chiến tranh hạt nhân cho Trung Quốc, vì vậy quân đội phải chuẩn bị cho “các cuộc chiến tranh nhỏ xảy ra ở vùng cận biên của đất nước.”<sup>49</sup> Việc nhấn mạnh vào một “vùng cận biên” (mở rộng đến cả một vùng biển đáng kể xung quanh Trung Quốc) hơn là quan điểm chiến lược lục địa là đòn bẩy giúp lực lượng hải quân tiếp cận các nguồn lực trong quân đội.

Thứ ba là sự thăng tiến của Đô đốc Liu Huaqing. Đô đốc Liu từng học ở Liên Xô, cống hiến phần lớn sự nghiệp cho khoa học và công nghệ trong quân đội, và thân cận với Đặng Tiểu Bình.<sup>50</sup> Khi là chỉ huy của Hải quân Trung Quốc từ năm 1982-1987 và làm Phó Chủ tịch Quân ủy Trung Quốc, đô đốc Liu đã cố gắng phát triển lực lượng hải quân. Đô đốc Liu được biết đến với việc ban hành một chiến lược ba bước mà dựa vào đây, các sĩ quan hải quân và các lực lượng trên biển khác có thể xây dựng các chính sách hướng tới một lực lượng hải quân hiện đại hơn, lớn mạnh hơn. Quan trọng hơn là các công tác sắp xếp lại hải quân, tái phát triển lực lượng lính thủy đánh bộ, nâng cấp các căn cứ, các cơ sở nghiên cứu và phát triển và tái cấu trúc hệ thống đào tạo.<sup>51</sup>

Việc Trung Quốc quan tâm hơn đến vấn đề trên biển và ngân sách tăng lên trong thập niên 1980 đã giúp Hải quân Trung Quốc hiện đại hóa theo ba hướng - xây lắp nội địa, mua của nước ngoài và công nghệ đảo ngược (reverse engineering) - gần giống với chính sách “tự cường” do Lý Hồng Chương 100 năm trước đã đề ra cho lực lượng hải quân buổi đầu. Chương trình phát triển hải quân thập niên 1980 tuy chỉ phát triển với tốc độ chùng mực và thận trọng nhưng đã tạo ra bộ mặt mới cho lực lượng hải quân.

Hướng xây lắp bao gồm các tàu khu trục có trang bị tên lửa dẫn đường, tàu hộ vệ tên lửa, tàu lai đất, tàu ngầm thông thường và năng lượng hạt nhân; tàu hỗ trợ máy bay,

---

<sup>48</sup> Đặng Tiểu Bình, “Speech at an Enlarged Meet-ing of the Military Commission of the Party Central Committee,” 14/7/1975, trong Joint Publications Research Service *China Reports*, no. 468 (31/10/1983), tr. 14–22 (trang web hiện đã dừng hoạt động)

<sup>49</sup> Alfred D. Wilhelm, *China and Security in the Asian Pacific Region through 2010*, CRM 95-226 (Alexandria, Va.: CNA, 1996), tr. 42.

<sup>50</sup> John W. Lewis, *China Builds the Bomb* (Stanford, Calif.: Stanford Univ. Press, 1988), tr. 50–51; Liu đã làm việc với Đặng Tiểu Bình ít nhất hai lần trước đây.

<sup>51</sup> Các thành tựu của đô đốc Liu được tóm tắt trong Wilhelm, *China and Security in the Asian Pacific Region through 2010*, tr. 43

bao gồm tàu theo dõi tên lửa, và tàu huấn luyện binh sĩ. Mua sắm nước ngoài tập trung vào mua bán với phương Tây, khi đây Mỹ bán cho Trung Quốc một ít động cơ tàu thủy hiện đại cùng ngư lôi; một số nước Tây Âu bán vũ khí và thiết bị cảm biến, bao gồm ngư lôi của Ý, tên lửa hành trình của Pháp và radar Anh. Hải quân Trung Quốc chỉ có duy nhất hạm đội tàu ngầm gắn tên lửa đạn đạo lớp Xia. Việc phóng ngầm thành công tên lửa đạn đạo tầm trung Ju Lang-1 vào năm 1988 cho thấy Trung Quốc lần đầu tiên đã có thể triển khai vũ khí nguyên tử chiến lược trên biển.<sup>52</sup>

Hải quân Trung Quốc đã chứng minh năng lực không ngừng lớn mạnh trong các nhiệm vụ trên biển trong suốt thập niên 1980. Trung Quốc đã đầu tư 4 tàu giám sát không gian lớn, hỗ trợ cho chương trình không gian vì mục đích quốc phòng và thương mại đang trỗi dậy của nước này; những tàu này đã tiến hành cuộc triển khai tầm xa đầu tiên của Hải quân Trung Quốc, hỗ trợ các hoạt động phóng vệ tinh vào không gian trong năm 1980. Lực lượng hải quân cũng đã hỗ trợ các chuyến thám hiểm Bắc Cực và Nam Cực. Chuyến thăm cảng nước ngoài đầu tiên của Hải quân Trung Quốc là vào năm 1985 khi hai tàu thuộc Hạm đội Đông Hải thăm Bangladesh, Sri Lanka và Pakistan; năm 1989 tàu huấn luyện Trịnh Hòa là tàu đầu tiên của Hải quân Trung Quốc thăm Mỹ tại cảng Hawaii.

Trong thập niên 1990, Bắc Kinh tiếp tục chương trình mở rộng và hiện đại hóa hải quân được bắt rễ từ thập niên 1990, nhưng vẫn với tốc độ có chừng mực. Hải quân Trung Quốc đã tiến hành hàng loạt các cuộc triển khai tầm xa ở Đông và Nam Á, cũng như triển khai một nhóm ba tàu đặc nhiệm đến New Hampshire năm 1998 thăm Mỹ, Mexico, Peru và Chile. Mua sắm các tàu, tàu ngầm và máy bay hiện đại từ nước ngoài là ưu tiên hàng đầu của Hải quân Trung Quốc khi nước này đã mua được các tàu khu trục gắn tên lửa dẫn đường lớp *Sovremenny*, tàu ngầm lớp Kilo và máy bay Su-27 nhưng điều này chỉ giúp cải thiện hải quân về lượng trong khi về chất vẫn còn hạn chế.

### **Những điểm nhất quán đáng chú ý và thông điệp cảnh báo**

Chế độ Cộng sản đã sớm nhận ra là nhu cầu phải giải quyết các vấn đề trên biển, nhưng phải sau đây 30 năm và sau những thay đổi kịch tính của tình hình quốc tế, Trung Quốc mới nhận thức được sự cần thiết của hiện đại hóa hải quân. Bắc Kinh gần đây coi “đại dương là hướng phòng thủ chiến lược hàng đầu” vì “Trung Quốc đang tập trung vào phát triển kinh tế - chính trị khu vực ven biển và trong hiện tại và tương lai dài sắp tới,

---

<sup>52</sup> Lewis and Xue, *China's Strategic Seapower*, cung cấp các mô tả tốt nhất về chương trình tên lửa đạn đạo và chương trình JL-1. Một cuộc phóng thử đã được thực hiện thành công vào năm 1982 từ một căn cứ ngầm, cuộc phóng thử năm 1988 từ tàu ngầm đã tương đối thành công. Bản thân tàu ngầm Xia là một thất bại, chưa bao giờ hoạt động theo nghĩa thông thường. Con tàu đã được nâng cấp mạnh-có thể bao gồm việc thay lõi của động cơ đẩy-cho phép nó có thể tham gia duyệt binh kỷ niệm 60 năm thành lập Hải quân Trung Quốc tháng 4/2009.

chiến lược của Trung Quốc sẽ tập trung vào hướng biển”.<sup>53</sup>

Việc Hải quân Trung Quốc được phát triển trong thế kỷ 21 là một điểm sáng trong lịch sử của ngành và được đánh dấu bởi những điểm nhất quán đáng chú ý. Trước hết là sự thừa nhận của yếu tố biển trong an ninh quốc gia của Trung Quốc. Thứ hai, các nỗ lực hiện đại hóa của hải quân Trung Quốc được gắn chặt vào quá trình phát triển kinh tế của đất nước. Vì vậy, trong bối cảnh nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục bùng nổ, có thể khẳng định rằng hiện đại hóa hải quân sẽ tiếp tục được thực hiện.

Thứ ba, phát triển hải quân từ thế kỷ 18 được đánh dấu bởi những sự tương tác đáng kể với các lực lượng hải quân nước ngoài. Các nỗ lực hiện đại hóa trong thời nhà Thanh phải dựa vào các cố vấn, nhà quản lý và kỹ sư từ Nhật, Đức, Anh và Mỹ. Xu hướng này tiếp tục dưới thời Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với một sự nương tựa tin cậy nhưng không thường xuyên vào cố vấn, chiến lược, thiết bị, công nghệ và kỹ sư Liên Xô/Nga.

Thứ tư, chính phủ Trung Quốc đã không ngần ngại triển khai lực lượng hải quân để theo đuổi mục tiêu an ninh quốc gia. Những nỗ lực này không phải lúc nào cũng thành công (ví dụ thất bại trong chiến dịch năm 1884 chống lại quân Pháp và năm 1894-95 chống lại Nhật) nhưng cũng thường xuyên giành thắng lợi, ví dụ như trong những năm 1950, 1954-55 và 1958 tại Eo biển Đài Loan và vào năm 1974, 1988 và 1997 ở Biển Đông.

Trung Quốc trong thời kỳ phong kiến đã không chú tâm đến biển, ngoại trừ một số giai đoạn ngắn và một vài chiến dịch cụ thể. Trung Hoa Dân Quốc thì đơn giản là quá bận tâm với nội chiến và sự xâm lược của Nhật nên không thể tập trung phát triển hải quân. Chế độ Cộng sản thành lập năm 1949 vẫn giữ quan điểm truyền thống coi hải quân là công cụ thứ yếu của sức mạnh quốc gia trong suốt 50 năm.

Mao Trạch Đông đã nhận ra từ năm 1950 là để chiến thắng Đài Loan phải đầu tư phát triển chiến tranh đổ bộ, hậu cần trên biển và sức mạnh không quân trên biển, nhưng kế hoạch xây dựng một lực lượng hải quân mạnh đã bị phá sản bởi chiến tranh Triều Tiên và sau đó là những hạn chế từ các sự kiện chính trị trong nước, đặc biệt là chiến lược Đại nhảy vọt tai hại. Sau đó, phát triển hải quân lại bị ảnh hưởng nặng nề từ xung đột Xô - Trung thập niên 1960 và Đại Cách mạng Văn hóa Vô sản. Chỉ đến cuối thập niên 1970,

---

<sup>53</sup>Trung tướng Mi Zhenyu, PLA, “A Reflection on Geographic Strategy,” *Zhongguo Junshi Kexue* [China Military Science], no. 1 (tháng 2/1998), tr. 6–14, in trong FBIS-CHI-98-208. Lịch sử văn tấu của Hải quân Trung Quốc được đề cập trong “Special Report: China Marks 60th Anniversary of Navy,” Xinhua, 24 April 2009, [news.xinhuanet.com/](http://news.xinhuanet.com/).

khi Cách mạng Văn hóa và tranh giành quyền lực thời hậu Mao kết thúc, thì địa vị của Hải quân Trung Quốc mới khởi sắc.

Sự khởi sắc này không diễn ra ngay lập tức cho dù hải quân được hưởng lợi từ mối quan hệ thân thiết Mỹ - Trung trong thập niên 1980, mua được hệ thống hải quân tân tiến, bao gồm động cơ tua-bin chạy bằng khí đốt LM2500 và thủy lôi chống ngầm Mark 46. Cuộc cấm vận sau sự kiện Quảng trường Thiên An Môn tháng 6/1989 đã chấm dứt những hỗ trợ hải quân từ Mỹ, và từ đó Trung Quốc chuyển hướng sang Châu Âu, Israel và đặc biệt là Nga. Các thập kỷ sau đây chứng kiến những thay đổi mạnh mẽ của hải quân Trung Quốc.

Phần lớn tất cả những lo ngại về chủ quyền của Trung Quốc là các vấn đề trên biển: Đài Loan, tranh chấp lãnh thổ và nguồn tài nguyên dưới đáy biển với Nhật Bản ở biển Hoa Đông, cũng như với Việt Nam, Philippines, Brunei và Malaysia ở Biển Đông; các tuyến đường giao thương trên biển xuyên Ấn Độ Dương bị đe dọa bởi nạn cướp biển ở Vịnh Aden. Hơn nữa, quyền lực của chính phủ dựa chủ yếu vào việc duy trì sự phát triển kinh tế, điều này lại phụ thuộc vào thương mại và dòng chảy năng lượng trên biển.

Cuối cùng, việc Trung Quốc sẵn sàng sử dụng vũ lực ngay cả khi hỏa lực kém xa đối thủ đã gửi đi một thông điệp cảnh báo đến các chiến lược gia nước ngoài trong việc cân nhắc các phản ứng có thể của Trung Quốc đối với những vấn đề cụ thể, đặc biệt là khi Đài Loan luôn muốn chống lại việc thống nhất. Cho dù Trung Quốc vẫn tiếp tục bị kìm hãm bởi hải quân Mỹ (và có lẽ là Nhật Bản), nhưng Trung Quốc sẽ không ngần ngại triển khai hải quân trong các tình huống liên quan đến chủ quyền và các vấn đề an ninh quốc gia tối quan trọng khác.

*Tác giả Bernard Cole là Giáo sư về Chiến lược biển tại Đại học Hải chiến Mỹ. Đọc bài gốc tiếng Anh [tại đây](#).*

**Tú Linh và Ngọc Diệp (dịch)**

**Kim Minh (hiệu đính)**